

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	Timken GR219
Các hình thức nhận dạng khác	Không có.
Công dụng đề nghị	Mỡ bôi trơn.
Các giới hạn đề nghị	Chỉ sử dụng trong công nghiệp.

Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối Nhà Sản Xuất

Tên công ty	The Timken Company
Địa chỉ	4500 Mount Pleasant Street NW North Canton, OH 44720 Hoa Kỳ
Điện Thoại	(234) 262-3000
E-mail	Không có dữ liệu.
Người liên hệ	INFOTRAC
Số điện thoại khẩn cấp	1-352-323-3500

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Gây tổn thương mắt /Kích ứng mắt nghiêm trọng Loại 1
	Gây mẫn cảm, da Loại 1
	Độc tích sinh sản (Khả năng sinh sản) Loại 2
Các hiểm họa cho môi trường	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa cấp Loại 3
	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa lâu dài Loại 3

Các thành phần của nhãn



Từ cảnh báo	Nguy hiểm
Công bố hiểm họa	Có thể gây phản ứng dị ứng da. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản. Có hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Thông điệp đề phòng Phòng Ngừa	Lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp phòng ngừa an toàn. Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi nước. Không được phép mang quần áo lao động bị nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc. Tránh phát thải ra môi trường. Sử dụng găng tay bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt.
Ứng phó	Nếu bị tiếp xúc hoặc lo ngại: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc. NẾU BỊ VẮNG VAO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong nhiều phút. Lấy kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT /bác sĩ. NẾU BỊ DÍNH VAO DA: Hãy rửa sạch bằng nhiều nước. Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại.
Bảo Quản	Lưu trữ trong khu vực khóa.
Thải bỏ	Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Chưa được biết.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
Canxi dodecylbenzen sulfonat		26264-06-2 247-557-8	7 - 13
1-Propen, 2-metyl- lưu huỳnh hóa		68511-50-2 270-943-2	1 - 5
Kẽm naphtenat		12001-85-3 234-409-2	1 - 5
Benzenamin, N-phenyl-, các sản phẩm phản ứng với 2,4,4-trimetylpenten		68411-46-1 270-128-1	0.1 - 1

Nhận xét cấu tạo

Tất cả mọi nồng độ được tính theo phần trăm trọng lượng. Các thành phần không được liệt kê là không nguy hiểm hoặc dưới giới hạn phải khai báo.

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi không khí trong lành. Gọi cho bác sĩ nếu các triệu chứng xuất hiện hoặc kéo dài.
Tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn ngay lập tức và rửa sạch da bằng xà phòng và nước. Trong trường hợp bị eczema hoặc các rối loạn da khác: Tìm chăm sóc y tế và mang theo các hướng dẫn này.
Tiếp xúc với mắt	Xả sạch mắt ngay lập tức với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và nếu dễ tháo. Tiếp tục súc rửa. Tìm chăm sóc y tế ngay lập tức.
Ăn phải	Súc miệng. Tìm chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xuất hiện.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Có thể dẫn đến bị tổn thương mắt vĩnh viễn kể cả mù. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Viêm da. Phát ban. Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản.
Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Cung cấp các biện pháp hỗ trợ tổng quát và điều trị theo triệu chứng. Theo dõi nạn nhân. Các triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
Thông tin tổng quát	NẾU phơi nhiễm hoặc lo ngại: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu bạn cảm thấy không được khỏe, hãy tìm tư vấn y tế (đưa nhãn cho bác sĩ xem nếu có thể). Đảm bảo rằng nhân viên y tế có nhận thức về (các) vật liệu liên quan, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ bản thân. Đưa phiếu an toàn hoá chất này cho bác sỹ phụ trách. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Sương nước. Bọt chữa cháy. Bọt hóa chất khô. cacbon dioxit (CO2).
Chất chữa cháy không phù hợp	Không dùng vòi xịt nước (water jet) để dập lửa, vì việc này sẽ làm lửa lan rộng.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Trong khi cháy, các khí nguy hại cho sức khỏe có thể được hình thành.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Phải sử dụng bình dưỡng khí thở độc lập và trang phục bảo hộ đầy đủ trong trường hợp có cháy.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Dùng vòi phun tia nước (water spray) để làm mát các thùng chứa đóng kín. Nước chảy ra từ đám cháy có thể gây hủy hoại môi trường.
Các biện pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét nguy cơ của các vật liệu liên quan khác.
Các hiểm họa cháy nói chung	Không có nguy cơ cháy hoặc nổ bất thường nào được ghi chú.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Không để những nhân viên không liên quan tiếp cận. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực tràn đổ/rò rỉ và ở đầu chiều gió. Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Không chạm vào các thùng chứa đã hư hỏng hoặc vật liệu tràn đổ trừ khi đã mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Đảm bảo đủ thông gió. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được. Về vấn đề bảo hộ cá nhân, xin xem mục 8 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.
---	---

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Sản phẩm không trộn lẫn được với nước và sẽ lan trên bề mặt nước. Ngăn chặn không để sản phẩm chảy vào hệ thống cống rãnh.
	Trần đổ Lớn: Ngăn dòng chảy vật liệu, nếu việc này không gây nguy hiểm. Sau khi thu gom sản phẩm, dùng nước xả sạch khu vực.
	Trần đổ Nhỏ: Làm sạch bề mặt cẩn thận để loại bỏ lượng chất ô nhiễm còn lại. Về thái độ chất thải, xem mục 13 của Phiếu An Toàn Hóa Chất. Vật liệu không tan trong nước.
Các biện pháp đề phòng cho môi trường	Tránh phát thải ra môi trường. Thông báo cho người quản lý hoặc giám sát phù hợp về tất cả các phát thải ra môi trường. Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn đổ thêm nếu có thể thực hiện được một cách an toàn. Tránh xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn	Lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp phòng ngừa an toàn. Không để vật liệu này tiếp xúc với mắt. Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo Phụ nữ có thai và đang cho con bú không được làm việc với sản phẩm này. Nên thao tác trong các hệ thống kín, nếu có thể được. Thực hiện thông gió đầy đủ. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Tránh phát thải ra môi trường. Tuân thủ tốt các quy chuẩn vệ sinh công nghiệp.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Lưu trữ trong khu vực khóa. Bảo quản đóng kín trong thùng chứa. Bảo quản xa các vật liệu không tương thích (xem Mục 10 của Phiếu An toàn Hóa chất SDS).

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp	Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.
Các giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Nên sử dụng hệ thống thông gió toàn bộ. Tốc độ thông gió phải phù hợp với từng điều kiện. Nếu có, sử dụng quy trình xử lý kín, thông gió hút cục bộ, hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để duy trì nồng độ trong không khí dưới giới hạn tiếp xúc được khuyến nghị. Nếu giới hạn tiếp xúc chưa được thiết lập, duy trì nồng độ trong không khí ở mức có thể chấp nhận. Phải cung cấp nguồn nước và các phương tiện rửa mắt dễ tiếp cận.
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân	
Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Đeo kính an toàn che kín hai bên (hoặc kính bảo hộ) và tấm che mặt.
Bảo vệ da	
Bảo vệ tay	Đeo găng tay chống hóa chất thích hợp.
Khác	Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp. Nên sử dụng tạp dề không thấm.
Bảo vệ đường hô hấp	Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì được nồng độ trong không khí dưới giới hạn tiếp xúc được khuyến nghị (nếu có) hoặc ở mức có thể chấp nhận được (ở các quốc gia chưa thiết lập giới hạn tiếp xúc), thì phải đeo mặt nạ phòng độc có chứng nhận.
Các hiểm họa nhiệt	Sử dụng trang phục bảo hộ chống nhiệt thích hợp, khi cần thiết.
Các lưu ý vệ sinh chung	Tuân thủ mọi yêu cầu về giám sát y tế. Luôn tuân thủ tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, chẳng hạn như rửa ráy sau khi thao tác với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo lao động và thiết bị bảo hộ để loại bỏ các chất nhiễm bẩn. Không được phép mang quần áo lao động bị nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan	
Trạng thái vật lý	Chất rắn.
Dạng	Dầu mỡ.
Màu	Đen.
Mùi	Nhẹ.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có dữ liệu.
pH	Không có dữ liệu.
Điểm chảy/điểm đông	Không có dữ liệu.

Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	Không có dữ liệu.
Điểm chớp cháy	Không áp dụng.
Tốc độ bay hơi	Không có dữ liệu.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có dữ liệu.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới hạn nổ – dưới (%)	Không có dữ liệu.
Giới hạn nổ – trên (%)	Không có dữ liệu.
Áp suất hơi	Không có dữ liệu.
Tỷ khối hơi	Không có dữ liệu.
Tỷ trọng tương đối	Không có dữ liệu.
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Không tan trong nước.
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu.
Độ nhớt	Không có dữ liệu.
Thông tin khác	
Các tính chất nổ	Không nổ.
Các tính chất oxy hóa	Không oxy hóa.

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển bình thường.
Độ bền hóa học	Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	Tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.
Các vật liệu tương kỵ	Các chất oxy hóa mạnh.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Hít phải kéo dài có thể có hại.
Tiếp xúc với da	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
Tiếp xúc với mắt	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Ăn phải	Có thể gây khó chịu khi nuốt phải.
Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Có thể dẫn đến bị tổn thương mắt vĩnh viễn kể cả mù. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Viêm da. Phát ban.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính	Không được xem là độc cấp tính.
-------------------	---------------------------------

Sản Phẩm	Loài	Kết quả thử nghiệm
Timken GR219 (CAS Hỗn hợp)		
<u>Cấp tính</u>		
Da		
ATEmix		12210 mg/kg bw

Sản Phẩm	Loài	Kết quả thử nghiệm
Đường miệng ATEmix		5826 mg/kg bw
Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
1-Propen, 2-metyl- lưu huỳnh hóa (CAS 68511-50-2)		
<u>Cấp tính</u>		
Da		
LD50	Thỏ	> 2000 mg/kg
Đường miệng		
LD50	Chuột	5700 mg/kg
Hít phải		
<i>Hơi</i>		
LC50		> 0.39 mg/l, 4 giờ
Canxi dodecylbenzen sulfonat (CAS 26264-06-2)		
<u>Cấp tính</u>		
Đường miệng		
LD50	Chuột	1300 mg/kg
Kẽm naphtenat (CAS 12001-85-3)		
<u>Cấp tính</u>		
Đường miệng		
LD50	Chuột	4920 mg/kg
Ăn mòn/kích ứng da	Tiếp xúc kéo dài với da có thể gây kích ứng nhất thời.	
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.	
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da		
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Không phải là một chất gây mẫn cảm đường hô hấp.	
Gây mẫn cảm da	Có thể gây phản ứng dị ứng da.	
Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)	Không có dữ liệu nào cho thấy sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có nồng độ trên 0,1% là chất gây đột biến hoặc gây độc cho gen.	
Khả năng gây ung thư	Không thể phân loại là gây ung thư cho người.	
Độc tích sinh sản	Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản.	
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Không được phân loại.	
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Không được phân loại.	
Hiểm họa hít phải	Không phải là nguy cơ đối với đường hô hấp.	
Thông tin khác	Chưa được biết.	

12. Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái		Có hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.	
Thành phần		Loài	Kết quả thử nghiệm
Kẽm naphtenat (CAS 12001-85-3)			
Dưới nước			
Cá	LC50	Cá Bluegill (Lepomis macrochirus)	1.53 mg/l, 96 giờ
		Cá hồi vân (Oncorhynchus mykiss)	1.1 mg/kg, 96 giờ
Lớp tôm cua	EC50 (nồng độ tác dụng 50%)	Bọ nước Daphnia magna	4.6 mg/l, 48 giờ

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có dữ liệu về khả năng phân hủy của sản phẩm này.
Khả năng tích tụ sinh học	Không có dữ liệu.
Di chuyển trong đất	Vật liệu không tan trong nước. Dự kiến khả năng di chuyển trong đất chậm.
Các tác dụng có hại khác	Thành phần này được dự kiến là không gây ra tác động bất lợi nào khác cho môi trường (ví dụ: suy giảm tầng ôzôn, khả năng tạo ozon do quang hóa, rối loạn nội tiết, khả năng gây nóng lên toàn cầu)

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các thùng kín tại nơi xử lý chất thải được cấp phép. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Không gây ô nhiễm ao hồ, sông suối hoặc hệ thống mương rãnh bởi hóa chất hoặc thùng chứa đã qua sử dụng. Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các quy định tiêu hủy của địa phương	Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Thải bỏ theo quy định của địa phương. Các thùng chứa hoặc lớp lót rỗng có thể còn chứa các cặn dư của sản phẩm. Vật liệu này và thùng chứa của nó phải được thải bỏ một cách an toàn.
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các thùng chứa dù đã hết vẫn có thể còn lại cặn dư sản phẩm, tuân theo các cảnh báo trên nhãn ngay cả khi thùng chứa đã cạn. Các thùng chứa rỗng cần được đưa đến cơ sở xử lý chất thải đã được phê duyệt để tái chế hoặc thải bỏ.

14. Thông tin về việc vận chuyển

IATA	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
IMDG	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC	Không áp dụng.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia	Về số lượng, ngày sản xuất, ngày hết hạn và xuất xứ hàng hóa, xin xem nhãn vận chuyển.
Hóa chất cấm (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục III, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi	Không có trong danh mục.
Hóa chất Sản xuất & Kinh doanh có Điều kiện (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục I, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi	Không có trong danh mục.
Hóa chất Phải Khai báo (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục V, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi	Không được quy định.
CWC (Nghị định số 38/2014/ND-CP, về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của công ước Cấm Phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, Bảng 1-3, ngày 6 tháng 5 năm 2014), đã sửa đổi	Không được quy định.
Tiền chất ma túy (Nghị định 82/2013/ND-CP về việc Ban hành các Danh mục Chất ma túy và Tiền chất IV, đã được sửa đổi bởi Nghị định 126/2015/ND-CP, ngày 9 tháng 12 năm 2015), đã sửa đổi	Không được quy định.
Các Yêu Cầu về Kế Hoạch Phòng Ngừa, Ứng Phó Sự Cố & An Toàn cho Hóa Chất Nguy Hại (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục IV, Bảng 1, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi	Không có trong danh mục.
Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) (Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2005), đã sửa đổi	Không được quy định.
Hóa chất Hạn chế Sản xuất & Kinh doanh (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục II, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi	Không có trong danh mục.

Các quy định quốc tế

Hiệp Ước Stockholm

Không có trong danh mục.

Hiệp Ước Rotterdam

Không có trong danh mục.

Nghị định thư Montreal

Không có trong danh mục.

Nghị định thư Kyoto

Không có trong danh mục.

Hiệp Ước Basel

Không có trong danh mục.

Các Danh Mục Quốc Tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên kiểm kê	Đang lưu kho (có/không)*
Ôt-xtrây-li-a	Danh mục Hóa chất Công nghiệp Úc (AICIS)	Có
Canada	Danh Sách Chất Sinh Hoạt (DSL)	Có
Canada	Danh Sách Các Chất Không Phải Sinh Hoạt (NDSL)	Không
Trung Quốc	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Hiện Hữu ở Trung Quốc (IECSC)	Có
Châu Âu	Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu (EINECS)	Có
Châu Âu	Danh Sách Các Chất Hóa Học Được Thông Báo của Châu Âu (ELINCS)	Không
Nhật Bản	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Mới và Hiện Hữu (ENCS)	Không
Hàn Quốc	Danh Sách Hóa Chất Hiện Hữu (ECL)	Có
Niu Di Lân	Kiểm Kê New Zealand	Có
Philippines	Kiểm Kê Các Hóa Chất và Chất Hóa Học (PICCS)	Có
Đài Loan	Danh Mục Hóa Chất của Đài Loan (TCSI)	Có
Hoa Kỳ và Puerto Rico	Danh Mục Theo Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Có

*"Có" chỉ ra rằng mọi thành phần của sản phẩm này phù hợp với các yêu cầu hàng tồn kho được quản lý bởi quốc gia cai quản

"Không" cho biết một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được nêu hoặc được miễn nêu trong danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	08-Tháng Mười-2025
Ngày sửa đổi	-
Phiên bản số	01
Nguồn thông tin tham khảo	Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Toàn Diện Khả Năng Gây Ung Thư
Khước Từ Trách Nhiệm	The Timken Company không thể xác định trước tất cả các điều kiện mà thông tin ở đây cùng với sản phẩm của nó, hoặc sản phẩm của những nhà sản xuất khác cùng với sản phẩm của họ, có thể sẽ được sử dụng. Người dùng có trách nhiệm bảo đảm mọi điều kiện an toàn cho việc thao tác, bảo quản và thải bỏ sản phẩm này, và chịu trách nhiệm pháp lý về việc mất mát, tổn thương, thiệt hại hoặc chi phí do việc sử dụng không phù hợp gây ra. Thông tin trong phiếu này được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện có.